

Số: 1235/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II/2018-2019
Khóa: 2018 C1 - Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về học bổng khuyến khích học nghề đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-LTT-KHTC ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKII/2018-2019;

Căn cứ vào Tờ trình đề xuất phương án chi học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II năm học 2018-2019 ngày 10 tháng 10 năm 2019;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập HKII/2018-2019 cho 79 sinh viên Khóa 2018 C1 – Cao đẳng, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học tập;

- Học bổng loại Xuất sắc có điểm TBCHT ≥ 9.67 và KQRL ≥ 100 = 01 SV;
- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 42 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 8.21 và KQRL ≥ 70 = 11 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.06 và KQRL ≥ 90 = 25 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ II (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2019-2020, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Xuất sắc = 550.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Giỏi = 475.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 300.000đ/tháng/SV;
- Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cổ vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c) ;
- Lưu: VT, P.CTCT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018 Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2018-2019

Số TT	Họ và tên	Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
											Tổng số		
A	B	C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Vũ Ngọc Châu Tuấn	18001251	18C1-ĐĐT1	9,67	100	Xuất sắc	2.750.000	2.750.000				2.750.000	
	Cộng =	1										2.750.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018 Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)
Học kỳ II năm học 2018-2019

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Trần Quốc	Thái	18002841	18C1-ĐCN2	8,40	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
2	Đồng Hữu	Nam	18002411	18C1-ĐĐT1	8,63	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
3	Phạm Văn	Nhân	18005432	18C1-ĐĐT1	8,30	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
4	Trần Quốc	Tuấn	18002150	18C1-ĐĐT1	8,59	89	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
5	Nguyễn Thế	Son	18004444	18C1-ĐĐT3	8,15	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
6	Lê Hoàng	Vĩnh	18004872	18C1-TĐH2	8,22	83	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
7	Nguyễn Văn	Quý	18000328	18C1-CCK1	8,11	96	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
8	Nguyễn Phước	Tân	18001395	18C1-CCK1	8,38	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
9	Huỳnh Văn	Dũng	18003823	18C1-CCK5	8,04	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
10	Dương Vĩ	Khang	18003938	18C1-CCK6	8,58	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
11	Lê Nhật	Hào	18003698	18C1-CTM1	8,18	86	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
12	Ngô Nguyễn Hoàng	Lộc	18004000	18C1-CTM1	8,09	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
13	Phan Thị Ngọc	Ánh	18001692	18C1-CNÔ5	8,11	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
14	Nguyễn Đào Minh	Tiền	18001868	18C1-CNÔ6	8,04	91	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
15	Trần Văn	Tâm	18003590	18C1-CNÔ17	8,09	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
16	Phan Đức	Tiến	18005498	18C1-CNÔ17	8,52	96	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
17	Nguyễn Trung	Kiên	18003892	18C1-CNÔ19	8,26	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
18	Cao Đình	Phú	18000080	18C1-CNÔ19	8,37	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
19	Lê Văn Tiến	Tài	18004126	18C1-CNÔ19	8,00	84	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
20	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	18002101	18C1-CNM1	8,12	98	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
21	Trần Thị	Nhớ	18000010	18C1-CNM1	8,97	99	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
22	Phan Thị Hồng	Phúc	17001781	18C1-CNM1	8,27	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	



Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
23	Nguyễn Thị	Tươi	18004541	18C1-CNM1	8,27	94	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
24	Nguyễn Thị	Dung	18000076	18C1-CNM2	8,42	100	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
25	Nguyễn Mai	Hạ	18004776	18C1-CNM2	8,56	93	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
26	Phạm Thị Quế	Nhi	18002391	18C1-CNM2	8,52	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
27	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18001735	18C1-TKĐ1	8,19	86	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
28	Trương Hồ	Ân	18001417	18C1-THU1	8,88	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
29	Trương Trần	Đệ	18001355	18C1-LTM1	8,63	96	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
30	Nguyễn Thanh	Hào	18002659	18C1-LTM1	8,20	84	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
31	Nguyễn Phạm Công	Huy	18005065	18C1-LTM2	8,45	83	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
32	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18005085	18C1-KTD1	8,08	91	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
33	Tạ Thị Thủy	Tiên	18005339	18C1-KTD1	8,28	86	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
34	Đỗ Thị Hồng	Nhung	18002573	18C1-KTD2	8,25	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
35	Phạm Thị Cẩm	Thùy	18003980	18C1-KTD2	8,37	98	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
36	Võ Thị Mai	Trình	18003981	18C1-KTD2	8,72	97	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
37	Hồ Thị Huyền	Yên	18005295	18C1-KTD2	8,93	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
38	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	18004096	18C1-QTD2	8,48	83	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
39	Trần Thị Thuý	Vy	18000206	18C1-QTD2	8,09	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
40	Nguyễn Xuân	Hiền	18004455	18C1-NNA1	8,12	89	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
41	Nguyễn Châu	Kiệt	18004712	18C1-NNA1	8,45	89	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
42	Hoàng Minh	Tài	18004812	18C1-NNA1	8,63	85	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
	Cộng = 42												99.750.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

Ngày 15 tháng 0 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khóa 2018 Cao đẳng
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2018-2019

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Trần Thành	Nhân	18001645	18C1-CNÔ4	8,54	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
2	Hồ Hải	Đăng	18003773	18C1-CCK5	8,46	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
3	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	18003977	18C1-QTD1	8,44	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
4	Phạm Quốc	Thịnh	18004528	18C1-LTM2	8,35	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
5	Trần Hoài	Phương	18001629	18C1-CNÔ4	8,33	79	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
6	Phan Minh	Lộc	18004620	18C1-CCK8	8,31	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
7	Nguyễn Bá Phi	Long	18001107	18C1-CNÔ10	8,28	76	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
8	Nguyễn Bảo	Hoàng	18002684	18C1-CNÔ12	8,27	74	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
9	Võ Thanh	Vĩ	18005070	18C1-QTD2	8,26	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
10	Kiều Tấn	Thắng	18003839	18C1-CNÔ18	8,23	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
11	Nguyễn Phúc	Nhân	18005537	18C1-TKĐ1	8,21	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
12	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	18005078	18C1-CNM2	7,28	100	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
13	Đặng Nhựt	Trường	18001865	18C1-CCK1	7,47	98	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
14	Nguyễn Phan Ánh	Dương	18004283	18C1-ĐĐT2	7,06	98	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
15	Dương Thị Tuyết	Hân	18003525	18C1-CNM1	7,40	97	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
16	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	18004467	18C1-CNM1	7,14	97	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
17	Lâm Thị Huyền	Trần	18004725	18C1-CNM1	7,93	96	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
18	Bùi Thị Bích	Ngân	18001545	18C1-CNM1	7,77	96	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
19	Đinh Thị	Dung	18002598	18C1-CNM2	7,73	96	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
20	Chung Tấn	Thanh	18001265	18C1-CCK1	7,64	96	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
21	Phạm Thị Ngọc	Huyền	18005240	18C1-CNM1	7,63	96	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	



Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đối tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
22	Nguyễn Huy	Hiếu	18002257	18C1-CNÔ9	7,49	96	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
23	Lê Thành	Thái	18001425	18C1-CCK1	7,96	95	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
24	Trần Thị Hồng	Nhung	18004233	18C1-CNM1	7,53	95	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
25	Lý Thảo	Nhi	18004150	18C1-CNM1	7,46	95	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
26	Diệp Hoàng	Phúc	18003687	18C1-CMT2	7,83	94	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
27	Đinh Ngọc	Cầm	18004040	18C1-CNM2	7,81	93	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
28	Vũ Xuân	Quyên	18004667	18C1-CNÔ6	7,72	93	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
29	Phạm Hoàng	Trung	18000598	18C1-CCK1	7,93	92	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
30	Kim Minh	Tường	18002702	18C1-CTM1	7,31	92	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
31	Lê Duy	Khánh	18004016	18C1-CNL1	7,94	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
32	Bùi Đình	Nam	18005257	18C1-ĐCN1	7,92	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
33	Trần Văn Chí	Nhân	18002559	18C1-CNL1	7,22	91	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
34	Mai Thanh	Tùng	18003292	18C1-CNÔ16	7,79	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
35	Lê Tào Tuyết	Nhi	18005000	18C1-KTD1	7,77	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
36	Đỗ Ngọc Hải	Vân	18004005	18C1-TKĐ1	7,73	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
	Cộng = 36												54.000.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Năm mươi bốn triệu đồng)

Người lập



Lê Xuân Thiện

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc